

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 09/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Võ Thị Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1944; địa chỉ: Tổ 4, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 6, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Th trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2010 bà Th cho mà Hương vay nhiều lần tổng cộng số tiền là 17.000.000đ và 04 chỉ vàng 980. Bà H đã trả 1.900.000đ còn nợ lại 15.100.000đ và 4 chỉ vàng 980. Khi vay bà H có ghi giấy mượn tiền và mượn vàng. Trong giấy mượn tiền và vàng không có thỏa thuận về tiền lãi và thời hạn trả nợ, tuy nhiên thực tế bà H có trả cho bà tiền lãi đối với tiền là 600.000đ/tháng và lãi đối với vàng là 200.000đ/tháng. Nhưng bà H chỉ trả được từ 3 đến 4 tháng thì không trả nữa. Hiện nay bà Th đã nhiều lần đến đòi nhưng bà H không trả mà còn đe dọa, xúc phạm đến bà. Do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả số tiền còn nợ là 15.100.000đ và 04 chỉ vàng 980, bà Th không yêu cầu bà H phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn bà Trần Thị H thể hiện:

Bà H thừa nhận có vay của bà Th và viết giấy mượn số tiền 17.000.000đ và 4 chỉ vàng 980 như bà Th trình bày. Giấy có nội dung vay tiền và vàng mà bà Th cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà. Từ khi vay đến nay bà H đã trả 5.900.000đ nên còn nợ 11.100.000đ và 4 chỉ vàng 980. Vì việc trả tiền không có chứng cứ gì nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Hiện nay điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn nên bà yêu cầu được kéo dài thời gian trả số tiền và vàng còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Hồ Thị Th số tiền 15.100.000đ và 04 chỉ vàng 980. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Hồ Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị H, sinh năm 1949, địa chỉ: Tổ 6, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền, vàng còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[3] Các bên xác lập giao dịch năm 2009, giao dịch đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự thì pháp luật về nội dung được áp dụng để giải quyết là Bộ luật Dân sự năm 2015. Do các bên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện.

[4] Căn cứ vào giấy mượn tiền, mượn vàng mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các bên thì cần xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Bà Th đã đòi nợ nhiều lần mà bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Th khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về số tiền, vàng còn nợ: Bị đơn bà H trình bày có vay của bà Th 17.000.000đ và 04 chỉ vàng, đã trả 5.900.000đ, nên còn nợ 11.100.000đ và 04 chỉ vàng 980. Lời trình bày của bà H không được bà Th thừa nhận và bà H cũng không

cung cấp tài liệu gì thể hiện đã trả số tiền 5.900.000đ. Do vậy cần xác định theo lời trình bày của nguyên đơn là bà H đã vay 17.000.000đ và 04 chỉ vàng 980, đã trả 1.900.000đ, còn nợ 15.100.000đ và 04 chỉ vàng 980.

[6] Về thời hạn trả và phương thức trả: Bà H yêu cầu được kéo dài thời gian trả nợ. Yêu cầu của bà H không được bà Th chấp nhận do vậy cần buộc bà H phải trả cho bà Th một lần số tiền, vàng còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $(15.100.000đ + (4.940.000đ/1 \text{ chỉ} \times 4\text{chỉ})) \times 5\% = 1.743.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Th số tiền, vàng còn nợ từ hợp đồng vay là 15.100.000đ (*Mười lăm triệu, một trăm nghìn đồng*) và 04 (*bốn*) chỉ vàng 980.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (không phải chịu lãi đối với số vàng phải thi hành án) theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.743.000đ (*một triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Bà Hồ Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 877.500đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004567 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 09/4/2021.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo